

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 66/2022/DS-PT
Ngày 11 - 3 - 2022
“V/v Tranh chấp
về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ và bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 54/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 01, Ngõ số 2, Đường L, khối V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 222, Nhà B4, Chung cư N, Đường N8, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; công tác tại Ban Nội chính Tỉnh ủy N6, Số 26, Đường T, thành phố V, Nghệ An; vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bà Trần Thị P và ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Do có mối quan hệ là anh em họ nên ngày 30 tháng 12 năm 2011, ông Trần Văn M có vay của bà P số tiền 168.000.000 đồng để mua đất ở dự án M1 và hứa sẽ trả trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, chờ một thời gian sau, ông M không trả tiền và bà đã đến yêu cầu ông M trả tiền cho bà nhưng ông M không trả. Quá trình từ đó đến năm 2018, bà P đã nhiều lần đến nhà ông M để đòi nợ nhưng ông M đã bán nhà đi nơi khác. Sau đó,

bà P đã đến cơ quan nơi ông M làm việc tại Tỉnh ủy N6 nhưng ông M không gặp và do là tranh chấp dân sự nên cơ quan của ông M cũng không can thiệp. Do đòi nợ nhiều lần không được, bà P đến Công an thành phố V để tố cáo và được hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án. Nay, bà P làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xử buộc ông Trần Văn M phải trả cho bà số tiền đã vay là 168.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30 tháng 12 năm 2011 đến ngày 30 tháng 12 năm 2019 x lãi suất 09%/01 năm = 120.960.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 294.630.000 đồng.

Ông Trần Văn M trình bày: Do có nhu cầu vay tiền để mua đất ở dự án M1 nên ông có nhờ bà Trần Thị P là em họ để vay của vợ chồng bà P (ông Nam) ở Số 12, Ngõ 12, khối Q, phường H, thành phố V vào năm 2010 với số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 ngày. Số tiền đó, ông M lấy từ bà Trần Thị P, sau đó, đến ngày 30 tháng 12 năm 2011 thì cộng cả lãi và gốc là 168.000.000 đồng, bà P nói số tiền này là tiền P3 (N3) nên bà Trần Thị P nói ông M viết giấy vay đề bà Trần Thị P đưa cho bà P3 (N3). Do tin tưởng là anh em họ nên ông M viết giấy vay tiền cho bà Trần Thị P. Sau đó, bà Trần Thị P gọi điện và bà P3 (N3) cũng gọi điện cho ông M yêu cầu trả tiền cho bà P3 (N3). Đến ngày 09 tháng 02 năm 2013, ông M lên nhà bà P3 (N3) viết giấy hẹn trả tiền số tiền 168.000.000 đồng và mỗi tháng trả 2.500.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 11 năm 2016, còn số tiền 15.000.000 đồng, hẹn đến trước ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông M sẽ trả cho bà P3 (N3). Đến nay, ông M đã trả hết cho bà P3 (N3) số tiền 168.000.000 đồng, chính là số tiền ông M đã viết giấy vay nợ đưa cho bà Trần Thị P nhưng do sơ suất, ông M không lấy lại giấy gốc nên nay bà Trần Thị P khởi kiện ông ra Tòa án. Quan điểm của ông M là ông không vay tiền của bà Trần Thị P, ông không trả số tiền tiền. Ông M đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng là bà P3 (N3); địa chỉ: Số 12, Ngõ 12, khối Q, phường H, thành phố V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Nguyễn Thị P3 ở Số 12, Ngõ 12, khối Qu, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, quá trình xác minh tại đại diện ban cán sự khối cho biết vợ chồng bà Nguyễn Thị P3 và ông Nguyễn Văn N3 có nhà và hộ khẩu tại khối Q, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng bà P3, ông N3 đi đâu thỉnh thoảng mới về nhà nên khối xóm cũng không thể tổng đạt các văn bản cho bà P3, ông N3.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P, buộc ông

Trần Văn M phải thanh toán cho bà Trần Thị P số tiền 168.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 đến ngày 26 tháng 3 năm 2021 là 35.700.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 203.700.000 đồng. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 4 năm 2021, bà Trần Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn M trả tiền lãi suất từ tháng 11 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng vì ông M vay tiền từ ngày 30 tháng 12 năm 2011, hứa sau 01 tuần sẽ trả nhưng sau đó, bà P đi tìm đòi nhiều lần thì không chịu gặp; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông M phải trả tiền lãi từ ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, ông Trần Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử không đúng bản chất tình tiết của vụ án, không thu thập chứng cứ khách quan, có biểu hiện không trong sáng, không khách quan, xét xử theo cảm tính, không đúng bản chất của vụ án, ông M cung cấp bản chất của vụ việc nhưng Thẩm phán không tổ chức xác minh, người cho ông M vay tiền là bà P3, ông M đã trả tiền nhưng hiện nay họ đang bỏ trốn và một số nhân chứng trong gia đình bà P3 cho ông M vay tiền; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác minh gặp gia đình anh L4 tại Công ty X (anh rể của bà P3 cho ông M vay tiền) là người bà P3 nhờ thường xuyên trực tiếp lấy tiền của ông M trả nợ cho bà Phương; liên hệ làm việc lấy lời khai của bà P3 cho ông M vay tiền; gặp vợ của anh Trần Đăng Đ (bà con trong họ) là chị L7, trú tại Phòng 807, tòa nhà T, thành phố V đã đến nhà mẹ chồng của chị P3 hỏi sự việc và gọi điện thoại trực tiếp gặp bà P cho ông M vay tiền.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 08 tháng 11 năm 2021, ông Trần Văn M có đơn đề nghị tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm với lý do: Hiện nay, ông M đang tìm gặp bà Nguyễn Thị P3 là người cho ông M vay tiền nhưng đã vỡ nợ và bỏ trốn từ năm 2016 đến nay. Ông M đã trả tiền cho bà Nguyễn Thị P3 và muốn có thời gian tìm gặp trực tiếp bà Nguyễn Thị P3 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị P giữ nguyên kháng cáo, ông Trần Văn M vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về thủ tục kháng cáo: Bà Trần Thị P và ông Trần Văn M kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: **Đề nghị Hội đồng xét xử** căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, đình chỉ việc xét xử phúc phẩm đối với kháng cáo của ông Trần Văn M, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn M có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ năm nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng nên được coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc phẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông M. Đối với yêu cầu tạm đình chỉ xét xử phúc phẩm của ông Trần Văn M, xét thấy, lý do mà ông M đã ra là không chính đáng, không thuộc các một trong các căn cứ quy định tại Điều 217, Điều 288 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị P thể hiện: Ngày 30 tháng 12 năm 2011, bà Trần Thị P và ông Trần Văn M lập giấy vay tiền với nội dung ông M vay bà P số tiền 168.000.000 đồng, giấy vay tiền không ghi rõ thời gian trả nợ và không có lãi suất vay. Quá trình vay tiền, ông M chưa trả cho bà P khoản tiền nào, **ngày 15 tháng 5 năm 2020**, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả số tiền 168.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông M phải trả cho bà P số tiền nợ gốc, số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 203.700.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị P, thấy rằng: Bà P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Trần Văn M phải trả tiền lãi từ ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho đến khi xét xử xong vụ án. Xét thấy, khoản vay của bà P và ông M là khoản vay không có thời hạn, không thỏa thuận về lãi suất, vì vậy, thời hạn tính lãi tính từ ngày bà P yêu cầu nhưng ông M không trả. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 (ngày bà P gửi đơn yêu cầu ông M trả nợ qua đường bưu điện) đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông Trần Văn M phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc 168.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 35.700.000 đồng; tổng cộng 203.700.000 đồng. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị chỉ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi

từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2019, xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà P đề nghị ông M phải trả tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn M và bà Trần Thị P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1, khoản 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Dân sự năm 2015; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P, buộc ông Trần Văn M phải thanh toán cho bà Trần Thị P số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 16 tháng 11 năm 2018 đến ngày 26 tháng 3 năm 2021 là 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 203.700.000 đồng (Hai trăm linh ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn M phải chịu 10.185.000 đồng (Mười triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Trần Thị P 4.200.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002723 ngày 21 tháng 5 năm 2020.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003381 ngày 19 tháng 4 năm 2021; buộc ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003379 ngày 19 tháng 4 năm 2021.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà